

Tuần Giáo, ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Số: 03/2018/QĐST-DSTC

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2017/TLST-DSTC ngày 29 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn:

- Ông Sùng Trồng G; sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Đội 3, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Bà Giàng Thị C; sinh năm: 1968; địa chỉ: Đội 3, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Bà Giàng Thị C ủy quyền cho ông Sùng Trồng G; sinh năm 1956; địa chỉ: Đội 3, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia tố tụng. (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2017).

1.2. Bị đơn:

- Ông Thào A L; sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Sùng Thị C; sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Tạm giao cho ông Sùng Trồng G và bà Giàng Thị C diện tích đất nương là 4.431,4 m², tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất nương ông Thào Già L và đất nương ông Sùng A D dài

37,43m; vị trí giáp ranh đất nương (ông G và ông L) đã cắm mốc bằng hòn đá trắng, từ vị trí mốc ranh giới cách một cây Thổ Lộ, đường kính 20cm về phía ranh giới (Ta luy) đất nương giữa ông Sùng A D và ông Thào Già L là 12m.

- Phía Nam: Giáp đất nương ông Thào Chứ K dài 40,48m; vị trí giáp ranh đất nương (ông G và ông L) đã cắm mốc bằng hòn đá trắng, từ vị trí mốc ranh giới vào phần đất chia cho ông G là một gốc cây rừng, đường kính 15cm (gốc cây rừng nằm tại vị trí giáp ranh đất nương tranh chấp chia cho ông Sùng Trồng G và ông Thào Chứ K.

- Phía Đông: Giáp nương ông Thào A L có chiều dài ranh giới 94,43m.

- Phía Tây: Giáp đường đất đi nương bản N, xã P và đất nương ông Giàng A M.

Ông Sùng Trồng G và bà Giàng Thị C có quyền, nghĩa vụ đăng ký đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được tạm giao.

2. 2. Tạm giao cho ông Thào A L, bà Sùng Thị C diện tích đất nương là 2.743,1m², tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất nương ông Sùng A D dài 37,43m; vị trí giáp ranh đất nương (ông G và ông L) đã cắm mốc bằng hòn đá trắng, từ vị trí mốc ranh giới cách một cây Thổ Lộ, đường kính 20cm về phía ranh giới (Ta luy) đất nương giữa ông Sùng A D và ông Thào Già L là 12m.

- Phía Nam: Giáp đất nương ông Thào Chứ K dài 38,99m; vị trí giáp ranh đất nương (ông G và ông L) đã cắm mốc bằng hòn đá trắng, từ vị trí mốc ranh giới vào phần đất chia cho ông G là một gốc cây rừng, đường kính 15cm (gốc cây rừng nằm tại vị trí giáp ranh đất nương tranh chấp chia cho ông Sùng Trồng G và ông Thào Chứ K.

- Phía Đông: Giáp đất nương ông Lầu Dủ L.

- Phía Tây: Giáp diện tích đất nương ông Sùng Trồng G có chiều dài ranh giới 94,43m.

* Mốc ranh giới đất nương giữa ông Sùng Trồng G và ông Thào A L, bà Sùng Thị C được xác định bằng một đường thẳng từ vị trí phía Bắc (đất nương của ông Thào Già L, ông Sùng A D) sang phía Nam (đất nương của ông Thào Chứ K). Điểm mốc giáp ranh giữa nương, tại vị trí ông G và ông L, bà C đã cắm mốc bằng hòn đá trắng (cách vị trí mốc cách 1,60m vào đất nương ông G là một gốc khô cổ thụ, cách một tảng hòn đá trắng to 18,20m).

* Ông Sùng Trồng G đồng ý để một lối đi chung rộng 1,5 m đi vào đất nương được chia cho ông Thào A L, bà Sùng Thị C, tiếp giáp phía nương ông K để lối đi 2m.

Ông Thào A L, bà Sùng Thị C có quyền, nghĩa vụ đăng ký đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được tạm giao.

(có sơ đồ kèm theo)

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Sùng Trồng G tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 3.000.000 (ba triệu đồng). Ông G đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự là người dân tộc thiểu số

sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên.
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hương